PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh

Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.[1]

[1] Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản có căn cứ ban hành như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh; chế độ báo cáo đối với người vay, người phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

1. Người vay, người phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16/02/2011 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ (sau đây gọi là Bên đi vay).

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.

Điều 3. Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh

1. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

a) Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài (theo Phụ lục 1A kèm theo Thông tư này) hoặc Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 1B kèm theo Thông tư này);

b)[2] Hồ sơ pháp lý của Bên đi vay bao gồm: Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy phép hoặc Quyết định thành lập Bên đi vay hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật và các bản sửa đổi (nếu có). Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính;

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản."

[2] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

c) Bản sao Thư bảo lãnh của Bộ Tài chính (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền theo pháp luật của Bên đi vay);

d) Bản sao văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất kinh doanh sử dụng vốn huy động từ khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế;

đ) Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền theo pháp luật của Bên đi vay về tính chính xác của bản sao và bản dịch) của các tài liệu sau:

- Hợp đồng vay nước ngoài đã ký; hoặc

- Các hợp đồng liên quan đến đợt phát hành trái phiếu quốc tế (theo cấu trúc đợt phát hành).

2. Trình tự thực hiện xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thư bảo lãnh được ký và trước khi thực hiện rút vốn khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế, Bên đi vay gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên đi vay văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế. Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế của Ngân hàng Nhà nước bao gồm các nội dung chính sau: Bên đi vay, Bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài song phương, khoản vay nước ngoài hợp vốn không sử dụng Đại diện Bên cho vay) hoặc Đại diện Bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài hợp vốn, khoản phát hành trái phiếu quốc tế sử dụng Đại diện Bên cho vay, Đại diện các trái chủ); các đại lý liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có); các điều kiện cơ bản của khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (kim ngạch vay, tổng trị giá khoản phát hành trái phiếu quốc tế; mục đích sử dụng vốn vay nước ngoài, vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế; lãi suất; lãi phạt; phí; hình thức bảo đảm; thời hạn vay; kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ gốc, lãi); tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi Bên đi vay mở tài khoản rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế và các nội dung khác liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có);

Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 4. Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh

1. Trường hợp có thay đổi bất kỳ nội dung nào liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được nêu tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế, Bên đi vay có trách nhiệm thực hiện đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

a) Đơn đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (theo Phụ lục 2A kèm theo Thông tư này); hoặc Đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 2B kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt các thỏa thuận thay đổi đã ký (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền theo pháp luật của Bên đi vay về tính chính xác của bản sao và bản dịch) trong trường hợp các nội dung thay đổi cần được thỏa thuận giữa các bên;

c) Bản sao thư hoặc phụ lục điều chỉnh thư bảo lãnh của Bộ Tài chính (nếu có);

d) Văn bản của Bên đi vay giải trình rõ về nội dung thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (áp dụng với trường hợp không có các thành phần hồ sơ nêu tại Điểm b và Điểm c Khoản này).

3. Trình tự thực hiện xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi hoặc ngày Bộ Tài chính phát hành thư, phụ lục điều chỉnh thư bảo lãnh (nếu có) và trước khi thực hiện nội dung thay đổi, Bên đi vay gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên đi vay văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 5. Chế độ báo cáo đối với Bên đi vay

Bên đi vay thực hiện báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của Bộ Tài chính. Bên đi vay có trách nhiệm sao gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) báo cáo trên để Ngân hàng Nhà nước phối hợp theo dõi, quản lý.

Điều 6. Hiệu lực thi hành[3]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2013.

2. Bãi bỏ các quy định tại Mục I, Mục II, Mục III và Mục IV Chương III của Thông tư số 09/2004/TT-NHNN ngày 21/12/2004 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc vay và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, người đại diện theo pháp luật của Bên đi vay, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Lê Minh Hưng

---

[3] Điều 21 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016 quy định như sau:

"Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

- Khoản 12 Điều 4 Thông tư số 24/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng theo các nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Phụ lục số 09.ĐGH kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo Nghị quyết về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này."

PHỤ LỤC 1A

TÊN BÊN ĐI VAY

Số:.....
V/v đăng ký khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Quản lý Ngoại hối)

Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số..../2013/TT-NHNN ngày.... tháng.... năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ Hợp đồng vay vốn đã ký với Bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày.../.../...;

Căn cứ Thư bảo lãnh do Bộ Tài chính phát hành ngày.../.../...;

Bên đi vay có tên sau đây đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản vay trung dài hạn nước ngoài của Bên đi vay như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. Thông tin về Bên đi vay:

1. Tên Bên đi vay:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Điện thoại:..... Fax:.....

4. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:.....

5. Quyết định thành lập (Giấy phép hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật) số..... do..... cấp ngày.....

6. Phạm vi hoạt động hợp pháp của Bên đi vay

7. Tổng số vốn đầu tư (áp dụng với Bên đi vay có vốn đầu tư nước ngoài) hoặc tổng số vốn điều lệ (đối với loại hình Bên đi vay khác):

8. Loại hình Bên đi vay (xác định theo các văn bản thành lập Bên đi vay):

9. Tình hình dư nợ tại thời điểm làm hồ sơ đăng ký:

- Dư nợ vay ngắn hạn nước ngoài:..... (trong đó quá hạn:.....)
- Dư nợ vay ngắn hạn trong nước:..... (trong đó quá hạn:.....)
- Dư nợ vay trung dài hạn nước ngoài:..... (trong đó quá hạn:.....)
- Dư nợ vay trung dài hạn trong nước:..... (trong đó quá hạn:.....)

II. Thông tin về Bên cho vay (Trường hợp nhiều bên cho vay, ghi rõ các thông tin sau đối với từng bên cho vay):

1. Tên Bên cho vay:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Quốc gia chủ nợ:.....

4. Loại hình Bên cho vay:.....

5. Quan hệ với bên cho vay (quan hệ đại lý, Công ty mẹ.....).....

.....

III. Thông tin về các Bên liên quan khác:

1. Bên bảo lãnh:

1.1. Tên đơn vị bảo lãnh:.....

1.2. Địa chỉ Bên bảo lãnh:.....

2. Bên bảo hiểm:

2.1. Tên đơn vị bảo hiểm:.....

2.2. Địa chỉ Bên bảo hiểm:.....

3. Tổ chức tín dụng được phép:

3.1. Tên TCTD được phép:.....

3.2. Địa chỉ TCTD được phép:.....

3.3. Số Tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài mở tại TCTD được phép:

4. Các bên liên quan khác (ghi rõ tên, địa chỉ, liên quan trong khoản vay - nếu có).....

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ MỤC ĐÍCH VAY

1. Mục đích vay (tài trợ dự án, nhập khẩu hàng hóa, thanh toán dịch vụ, thuê tài chính...):

2. Tên dự án đầu tư sẽ sử dụng khoản vay:

3. Các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của dự án đầu tư (phê duyệt dự án, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...):

4. Địa phương, nơi khoản vay sẽ được sử dụng:

PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ KHOẢN VAY:

1. Ngày ký Hợp đồng vay nước ngoài:.....

2. Ngày Hợp đồng có hiệu lực:.....

3. Số tiền vay:

3.2. Bằng số:.....

3.3. Bằng chữ:.....

4. Đồng tiền vay, trả nợ:.....

5. Hình thức vay:.....

6. Hình thức trả nợ (trả nợ bằng tiền, bằng hàng hóa hay loại khác, ghi rõ):.....

7. Thời hạn vay:..... (trong đó thời gian ân hạn:.....)

8. Lãi suất vay:

8.1. Lãi suất cố định:.....

8.2. Lãi suất thả nổi: Ghi rõ loại lãi suất lựa chọn, cách tính, phương thức áp dụng, lãi lề.....

9. Các loại phí (phí bảo lãnh; phí bảo hiểm, phí thu xếp; phí quản lý; phí khác ghi rõ):.....

10. Lãi phạt:.....

11. Hình thức bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, ký quỹ, thế chấp...):.....

12. Kế hoạch rút vốn:.....

12. Kế hoạch trả nợ:

13.1. Kế hoạch trả gốc:.....

13.2. Kế hoạch trả lãi:.....

14. Các điều kiện khác (nếu có):.....

**** Chú ý: ghi rõ điều khoản tham chiếu tại Hợp đồng vay đối với mỗi nội dung tại phần này)***

PHẦN THỨ TƯ: CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của Bên đi vay) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay.

2. [Tên Bên đi vay] cam kết tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:
- ...

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CỦA BÊN ĐI VAY

PHỤ LỤC 1B

TÊN BÊN ĐI VAY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	
V/v đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Quản lý Ngoại hối)

Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

Căn cứ vào Thông tư số /2013/TT-NHNN ngày tháng năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ vào phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được..... phê duyệt, chấp thuận tại các văn bản số..... ngày..../..../....;

Căn cứ Thư Bảo lãnh do Bộ Tài chính phát hành ngày...../...../.....;

Căn cứ vào Hợp đồng, Thỏa thuận liên quan đến đợt phát hành đã ký ngày...../...../.....;

[*Tên Bên đi vay*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản phát hành trái phiếu quốc tế như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. Thông tin về Bên đi vay (là tổ chức phát hành trái phiếu quốc tế):

1. Tên Bên đi vay:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax:

4. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền:

5. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của pháp luật) số..... do..... cấp ngày.....

II. Thông tin về đại diện Bên cho vay (trường hợp Bên đi vay lựa chọn cấu trúc phát hành có đơn vị đại diện các trái chủ nước ngoài)

1. Tên đại diện Bên cho vay:

2. Địa chỉ:

3. Loại hình đại diện Bên cho vay:

III. Thông tin về các Bên liên quan:

1. Tổ chức bảo lãnh phát hành (Ghi rõ tên, địa chỉ của từng tổ chức bảo lãnh phát hành nếu có nhiều đơn vị cùng bảo lãnh phát hành):

2. Các Đại lý có liên quan (ghi rõ tên, địa chỉ của từng Đại lý liên quan đến đợt phát hành như Đại lý niêm yết, Đại lý ủy thác, Đại lý thanh toán, Đại lý chuyển nhượng, Tổ chức lưu ký và thanh toán bù trừ...):

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

3.1. Tên, địa chỉ TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

3.2. Số tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài mở tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

4. Các bên liên quan khác (ghi rõ tên, địa chỉ, liên quan):

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

1. Tổng trị giá phát hành:

2. Mục đích phát hành (nêu rõ từng dự án đầu tư hoặc phương án đầu tư hoặc kế hoạch kinh doanh của Bên đi vay sẽ thực hiện bằng nguồn vốn phát hành; các văn bản phê duyệt liên quan theo quy định của pháp luật):

3. Hình thức, loại tiền và thị trường phát hành:

4. Thời điểm phát hành:

5. Phương án sử dụng nguồn vốn phát hành:

6. Các văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành (nêu rõ các văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ; văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp):

PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổng giá trị danh nghĩa phát hành:

1.1. Bằng số:

1.2. Bằng chữ:

2. Tổng số tiền thực nhận:

2.1. Bằng số:

2.2. Bằng chữ:

3. Ngày phát hành:

4. Ngày đáo hạn:

5. Lãi suất:

6. Các loại phí liên quan đến đợt phát hành (đề nghị nêu rõ tên từng loại phí, mức phí hoặc cách tính phí, ngày thanh toán hoặc kế hoạch thanh toán...):

7. Điều kiện bảo lãnh:

8. Điều kiện về chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền (nếu có):

8.1. Thời gian chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền:

8.2. Điều kiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền:

9. Kế hoạch thu tiền bán trái phiếu:

10. Kế hoạch thanh toán (gốc, lãi, phí) trái phiếu:

11. Các điều kiện khác (nếu có):

(Đối với từng mục trên, đề nghị nêu rõ các điều khoản tham chiếu tại các văn kiện có liên quan).

PHẦN THỨ TƯ: CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của Bên đi vay) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế này và các tài liệu kèm theo trong hồ sơ đăng ký khoản vay phát hành trái phiếu quốc tế của [*Tên Bên đi vay*].

2. [*Tên Bên đi vay*] cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ; Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện việc huy động vốn nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CỦA BÊN ĐI VAY

- Hồ sơ đính kèm:

...

PHỤ LỤC 2A

TÊN BÊN ĐI VAY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.....	
V/v đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Quản lý Ngoại hối)

Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số..../2013/TT-NHNN ngày.... tháng.... năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ công văn số..... ngày.../.../..... của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài;

Căn cứ (các) công văn số..... ngày.../.../..... của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (nếu có);

Căn cứ vào Hợp đồng, Thỏa thuận vay vốn đã ký với Bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày.../.../...;

Căn cứ vào Hợp đồng, Thỏa thuận vay vốn sửa đổi đã ký với Bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày.../.../... (nếu có);

Căn cứ Thư hoặc Phụ lục điều chỉnh Thư bảo lãnh ngày.../.../... của Bộ Tài chính (nếu có).

Bên đi vay có tên sau đây đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý Ngoại hối) về việc thay đổi một số nội dung vay nước ngoài như sau:

I. BÊN VAY:

1. Tên Bên đi vay:.....

2. Số, ngày của Văn bản xác nhận đăng ký vay trả nợ nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

3. Số, ngày của (các) Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (ghi tất cả các văn bản loại này - nếu có);

II. NỘI DUNG THAY ĐỔI:

(Yêu cầu ghi chi tiết từng nội dung sửa đổi theo các tiểu mục sau)

1. Thay đổi Bên cho vay:

- Bên cho vay hiện tại:.....
- Bên cho vay mới:.....
- Lý do thay đổi:.....

2. Thay đổi kim ngạch:

- Kim ngạch hiện tại:.....
- Kim ngạch mới:.....
- Lý do sửa đổi:.....

3. Thay đổi về điều kiện vay (lãi suất, phí, lãi phạt, đồng tiền trả nợ, hình thức trả nợ...):

- Nội dung hiện tại:.....
- Nội dung thay đổi:.....
- Lý do sửa đổi:.....

4. Thay đổi kế hoạch rút vốn:

- Kế hoạch rút vốn hiện tại:.....
- Kế hoạch rút vốn mới:.....
- Lý do sửa đổi:.....

5. Thay đổi kế hoạch trả nợ:.....

- Kế hoạch trả nợ hiện tại:.....
- Kế hoạch trả nợ mới:.....
- Lý do sửa đổi:.....

6. Thay đổi Bên bảo lãnh:

- Bên bảo lãnh hiện tại:.....
- Bên bảo lãnh mới:.....
- Lý do thay đổi:.....

7. Những thay đổi khác:

- Nội dung thay đổi:.....
- Lý do thay đổi:.....

III. KIẾN NGHỊ:

[Tên Bên đi vay] đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận [Tên Bên đi vay] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản vay nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước.

IV. CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của Bên đi vay) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của Bên đi vay.

2. [Tên Bên đi vay] cam kết tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ; các văn bản hướng dẫn thực hiện các Nghị định trên và các văn bản pháp quy khác của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CỦA BÊN ĐI VAY

Hồ sơ gửi kèm

- .....

PHỤ LỤC 2B

TÊN BÊN ĐI VAY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	
V/v đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Quản lý Ngoại hối)

Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

Căn cứ vào Thông tư số /2013/TT-NHNN ngày / /2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ vào Phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được..... phê duyệt tại văn bản số..... ngày..../..../...;

Căn cứ công văn số..... ngày...../..../..... của Ngân hàng Nhà nước..... xác nhận đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế;

Căn cứ (các) Công văn số.... ngày...../...../..... của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có);

Căn cứ vào Hợp đồng, Thỏa thuận sửa đổi liên quan đến đợt phát hành đã ký ngày.../.../...(nếu có);

Căn cứ Thư hoặc Phụ lục điều chỉnh Thư bảo lãnh ngày.../.../... của Bộ Tài chính (nếu có).

[*Tên Bên đi vay*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nội dung thay đổi khoản vay nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế như sau:

I. BÊN ĐI VAY:

1. Tên Bên đi vay:.....

2. Các văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của Bên đi vay (ghi rõ số, ngày của tất cả các văn bản này):

II. NỘI DUNG THAY ĐỔI:

Đối với từng nội dung thay đổi, ghi rõ: (i) Nội dung được thỏa thuận hiện tại (đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký); (ii) Nội dung thay đổi tương ứng; và (iii) Lý do thay đổi.

III. KIẾN NGHỊ:

[*Tên Bên đi vay*] đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận [*Tên Bên đi vay*] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định hiện hành của pháp luật.

IV. CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của Bên đi vay) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành này và các tài liệu kèm theo trong hồ sơ đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của [*Tên Bên đi vay*].

2. [*Tên Bên đi vay*] cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ; Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện việc huy động vốn nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CỦA BÊN ĐI VAY

Hồ sơ đính kèm:

- ...

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: 15/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2016

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng